

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I; NĂM HỌC 2024- 2025
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6- PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Số câu theo mức độ nhận thức							
			NB		TH		VD		VDC	
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Bản đồ. Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất	Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ	2					1a		
		– Các yếu tố cơ bản của bản đồ – Các loại bản đồ thông dụng – Lược đồ trí nhớ	2							1b
2	Trái Đất. Hành tinh của hệ Mặt Trời	– Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời	2							
		– Hình dạng, kích thước Trái Đất	2							
		– Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí	1			1				
Số câu/ loại câu			8 TN		1 TL		1a TL		1b TL	
Tỉ lệ %			20		15		10		5	

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I; NĂM HỌC 2024- 2025
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6- PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

T T	Chương/ chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Mức độ nhận thức			
				NB	TH	VD	VDC
1	BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT	Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ – Các yếu tố cơ bản của bản đồ – Các loại bản đồ thông dụng – Lược đồ trí nhớ	Nhận biết Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu. – Đọc được các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. Thông hiểu – Đọc và xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. Vận dụng - Ghi được toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ. – Xác định được hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ. – Biết tìm đường đi trên bản đồ. – Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh.	*			
				*		*	*
2	TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI	– Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời – Hình dạng, kích thước Trái Đất – Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí	Nhận biết – Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. – Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất. – Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục và quanh Mặt Trời. Thông hiểu – Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau – Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa. Vận dụng – Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều k. tuyến. – So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.	*			
				*	*		
Số câu/ loại câu				8 TN	1 TL	1a TL	1b TL
Tỉ lệ %				20	15	10	5

TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT LỚP 6/..... HỌ VÀ TÊN	KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2024- 2025 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 Phân môn Địa Lí- ĐỀ A Thời gian: 30 phút	ĐIỂM
--	---	-------------

I/ TRẮC NGHIỆM: 2 điểm

Em hãy chọn một đáp án đúng (A;B;C;D) rồi điền vào bảng trong phần bài làm.

CÂU 1. Kinh tuyến gốc là kinh tuyến

- A. 0^0 B. 30^0 C. 60^0 D. 90^0

CÂU 2. Vĩ tuyến gốc là vĩ tuyến

- A. $23^027'$. B. 0^0 . C. $66^033'$. D. 90^0

CÂU 3. Trong các đối tượng địa lí dưới đây, đối tượng nào được thể hiện trên bản đồ bằng kí hiệu đường?

- A. Cảng biển. B. Vùng trồng lúa. C. Sân bay. D. Đường bộ.

CÂU 4. Trong các đối tượng địa lí dưới đây, đối tượng nào được thể hiện trên bản đồ bằng kí hiệu diện tích?

- A. Cảng biển. B. Vùng trồng lúa. C. Sân bay. D. Đường bộ.

CÂU 5. Theo thứ tự xa dần Mặt Trời, Trái Đất là hành tinh ở vị trí thứ mấy?

- A. 2. B. 3. C. 4 D. 5

CÂU 6. Diện tích bề mặt Trái Đất là

- A. 500 triệu km^2 B. 510 triệu km^2 C. 550 triệu km^2 D. 600 triệu km^2

CÂU 7. Trái Đất có bán kính xích đạo là

- A. 6.000 km. B. 6.100 km. C. 6.300 km. D. 6.378 km.

CÂU 8. Thời gian Trái Đất tự quay quanh trục một vòng là

- A. 20 giờ. B. 22 giờ. C. 24 giờ. D. 26 giờ.

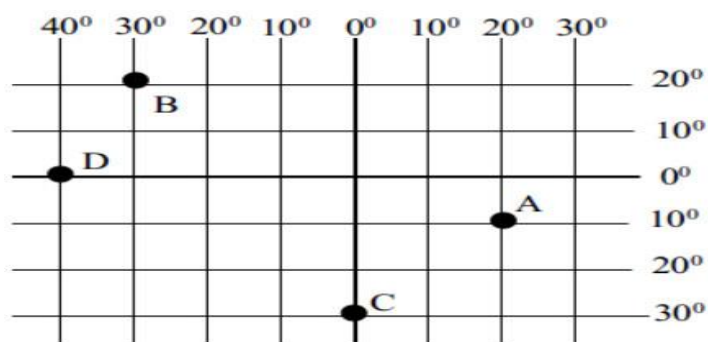
II/ TỰ LUẬN: 3 điểm

CÂU 1: 1,5 điểm

Trình bày hiện tượng ngày và đêm luân phiên nhau trên Trái Đất?

CÂU 2: 1,5 điểm

a. (1 điểm) Xác định tọa độ địa lí và ghi lại tọa độ địa lí các điểm A, B, C, D



b. (0,5 điểm) Trên bản đồ có tỉ lệ 1 : .2.000.000, khoảng cách giữa 2 thành phố A và B đo được là 5 cm. Trên thực tế khoảng cách giữa hai thành phố là bao nhiêu?

BÀI LÀM

I/ TRẮC NGHIỆM

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐÁP ÁN								

TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT LỚP 6/..... HỌ VÀ TÊN	KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2024- 2025 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 Phân môn Địa Lí- ĐỀ B Thời gian: 30 phút	ĐIỂM
--	---	-------------

I/ TRẮC NGHIỆM: 2 điểm

Em hãy chọn một đáp án đúng (A;B;C;D) rồi điền vào bảng trong phần bài làm.

CÂU 1. Vĩ tuyến gốc là vĩ tuyến

- A. 90^0 B. $23^027'$ C. $66^033'$ D. 0^0

CÂU 2. Kinh tuyến gốc là kinh tuyến

- A. 0^0 B. 30^0 C. 60^0 D. 90^0

CÂU 3. Trong các đối tượng địa lí dưới đây, đối tượng nào được thể hiện trên bản đồ bằng kí hiệu điểm?

- A. Cảng biển. B. Vùng trồng lúa. C. Đường sắt. D. Đường bộ.

CÂU 4. Trong các đối tượng địa lí dưới đây, đối tượng nào được thể hiện trên bản đồ bằng kí hiệu diện tích?

- A. Cảng biển. B. Vùng trồng lúa. C. Sân bay. D. Đường bộ.

CÂU 5. Theo thứ tự xa dần Mặt Trời, Trái Đất là hành tinh ở vị trí thứ mấy?

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

CÂU 6. Bán kính xích đạo Trái Đất là

- A. 6.200 km B. 6.300 km C. 6.378 km D. 6.478 km

CÂU 7. Diện tích bề mặt Trái Đất là

- A. 500 triệu km^2 B. 510 triệu km^2 C. 550 triệu km^2 D. 600 triệu km^2

CÂU 8. Thời gian Trái Đất quay một vòng quanh Mặt Trời là

- A. 300 ngày 6 giờ. B. 345 ngày 6 giờ. C. 365 ngày 6 giờ. D. 366 ngày 6 giờ.

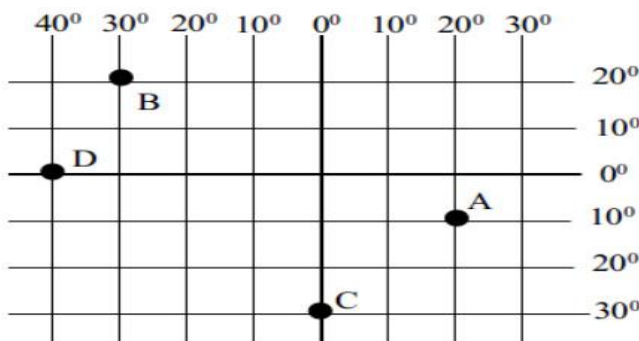
II/ TỰ LUẬN: 3 điểm

CÂU 1: 1,5 điểm

Trình bày hiện tượng ngày đêm dài, ngắn theo mùa và theo vĩ độ?

CÂU 2: 1,5 điểm

a. (1 điểm) Xác định tọa độ địa lí và ghi lại tọa độ địa lí các điểm A, B, C, D



b. (0,5 điểm) Trên bản đồ có tỉ lệ 1: .1.000.000, khoảng cách giữa 2 thành phố A và B đo được là 5 cm. Trên thực tế khoảng cách giữa hai thành phố là bao nhiêu?

BÀI LÀM

I/ TRẮC NGHIỆM

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐÁP ÁN								

TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT LỚP 6/..... HỌ VÀ TÊN 	KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2024- 2025 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 Phân môn Địa Lí Thời gian: 30 phút (Dành cho HSKT)	ĐIỂM
--	---	-------------

Em hãy chọn đáp án đúng và khoanh tròn vào chữ cái A hoặc B

CÂU 1: Nửa đường tròn nối hai cực trên bề mặt quả Địa cầu là hệ thống

- A. kinh tuyến. B. vĩ tuyến.

CÂU 2: Những đường tròn vuông góc với kinh tuyến trên bề mặt quả Địa Cầu là

- A. kinh tuyến. B. vĩ tuyến

CÂU 3: Đâu trên của kinh tuyến chỉ hướng

- A. bắc. B. nam.

CÂU 4: Trái Đất ở vị trí thứ mấy trong hệ Mặt Trời theo thứ tự xa dần Mặt Trời?

- A. 2. B. 3

CÂU 5: Hệ Mặt Trời gồm có mấy hành tinh?

- A. 7. B. 8

CÂU 6: Trái Đất có dạng hình

- A. khối cầu. B. tròn.

CÂU 7: Thời gian Trái Đất chuyển động một vòng quanh trục là

- A. 24 giờ. B. 25 giờ.

CÂU 8: Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo hướng

- A. từ đông sang tây. B. từ tây sang đông.

CÂU 9: Hệ quả chuyển động quanh trục của Trái Đất là

- A. ngày và đêm. B. ngày và đêm luân phiên.

CÂU 10: Nước ta nằm trong khu vực giờ

- A. số 6. B. số 7

KIỂM TRA GIỮA KỲ I; NĂM HỌC 2024- 2025
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6- PHẦN MÔN ĐỊA LÍ
ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐỀ A	A	B	D	B	B	B	D	C
ĐỀ B	D	A	A	B	A	C	B	C

II. TỰ LUẬN

ĐỀ A		
CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
Câu 1 (1,5 điểm)	Hiện tượng ngày đêm luân phiên: - Do Trái Đất có dạng khối cầu nên lúc nào cũng chỉ được Mặt Trời chiếu sáng một nửa, nửa được chiếu sáng là ban ngày, nửa trong bóng tối là ban đêm. - Do sự chuyển động của Trái Đất quanh trục theo hướng từ tây sang đông nên khắp mọi nơi trên Trái Đất lần lượt có ngày và đêm luân phiên nhau.	0,75 0,75
	Câu 2 (1,5 điểm)	a. Xác định và ghi lại tọa độ địa lí B (20 ⁰ B; 30 ⁰ T) D (0 ⁰ ; 40 ⁰ T) b. Tính khoảng cách giữa 2 thành phố A và B 2.000.000 X 5 cm= 10.000.000 cm= 100 km ĐS: 100 km
ĐỀ B		
Câu 1 (1,5 điểm)	Hiện tượng ngày đêm dài, ngắn theo mùa: - Trong quá trình chuyển động quanh Mặt Trời do trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng nên thời gian ban ngày và thời gian ban đêm có sự thay đổi theo mùa và theo vĩ độ. - Bán cầu nào là mùa nóng sẽ có ngày dài đêm ngắn, bán cầu nào là mùa lạnh sẽ có ngày ngắn đêm dài.	0,75 0,75
	Câu 2 (1,5 điểm)	a. Xác định và ghi lại tọa độ địa lí A (10 ⁰ N; 20 ⁰) C (30 ⁰ N; 0 ⁰) b. Tính khoảng cách giữa 2 thành phố A và B 1.000.000 X 5 cm= 5.000.000 cm= 50 km ĐS: 50 km

ĐÁP ÁN ĐỀ DÀNH CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đ.A	A	B	A	B	B	A	A	A	B	B

